TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHIÊM HÓA** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 25/8/2022
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHIÊM HOÁ - TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đào Thị Bích Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hà Đức Sơn.

2. Ông Phạm Anh Tuấn.

- Thư ký phiên toà: Bà Ngô Thị Hương - Thư ký Toà án nhân dân huyện Chiêm Hoá.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hoá *tham gia phiên tòa*: Ông Đặng Trung Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2022 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Chiêm Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án ly hôn thụ L số: 117/2022/TLST - HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2022 về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn* ", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 24/2022/QĐST-HNGĐ ngày 08/8/2022.

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 2000;

Địa chỉ: Thôn A, xã T, huyện C, tỉnh Tuyên Quang (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Chỗ ở hiện nay: Thôn L, xã D, huyện Y, tỉnh Hà Giang.

2. Bị đơn: Anh Phạm Văn G, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Thôn A, xã T, huyện C, tỉnh Tuyên Quang (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, quan điểm trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phạm Văn G được tự do tìm hiểu, đi đến hôn nhân trên tinh thần tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán; anh chị làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã

D, huyện Y, tỉnh Hà Giang theo quy định của pháp luật vào năm 2019. Sau khi đăng ký kết hôn vợ chồng anh chị làm ăn, sinh sống tại thôn A, xã T, huyện C, tỉnh Tuyên Quang. Cuộc sống không có tiếng nói chung, hay xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, không có sự chia sẻ trong cuộc sống, chị và anh G đã sống ly thân từ tháng 5 năm 2020 cho đến nay.

Chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không thể hàn gắn để quay về xây dựng gia đình hạnh phúc, tiến bộ nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Phạm Văn G.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng anh chị sinh được 01 con chung tên là cháu Nguyễn Phạm Hồng C, sinh ngày 31/01/2018. Chị có quan điểm đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu C và không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình thụ L, giải quyết vụ án, Tòa án đã báo gọi anh Phạm Văn G đến để giải quyết việc chị Nguyễn Thị L đề nghị ly hôn nhưng anh G đều không có mặt. Qua xác minh tại địa phương thì hiện nay anh G đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn A, xã T, huyện C, tỉnh Tuyên Quang nhưng thường xuyên sinh sống tại thôn L1, xã H, huyện C. Theo lời khai của ông Phạm Văn Đ (bố đẻ của anh Phạm Văn G) thì anh G và chị L có được tìm hiểu, tự nguyện đến với nhau, được gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương và đăng ký kết hôn theo quy định. Sau khi cưới thì vợ chồng chị L và anh G ở nhà anh G tại thôn A, xã T, huyện C. Đến năm 2020 chị L đi làm công ty tại tỉnh B thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, do anh G nghi ngờ chị L có quan hệ với người khác. Chị L và anh G có một người con chung là cháu Nguyễn Phạm Hồng C, sinh ngày 31/01/2018, chị L cùng cháu Nguyễn Phạm Hồng C chuyển về nhà bố mẹ đẻ tại xã D, huyện Y, tỉnh Hà Giang sinh sống, chị L và anh G sống ly thân từ năm 2020 đến nay, không quan tâm, chăm sóc nhau nữa.

Chị L làm đơn xin ly hôn với anh G, anh G có biết và nhất trí ly hôn nhưng do đi làm ăn xa nên không về. Ông Đông cũng không biết địa chỉ nơi ở tạm trú của anh G. Gia đình ông có nhận được văn bản của Tòa án và đã thông báo cho anh G biết việc chị L xin ly hôn nhưng anh G không về.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đều đảm bảo đúng quy định; Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Áp dụng các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 143, 144, 147, 227, 228, 238, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản L và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"* của chị Nguyễn Thị L, cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn với anh Phạm Văn G.

- Giao cháu Nguyễn Phạm Hồng C, sinh ngày 31/01/2018 cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Phạm Văn G không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản và nợ chung chị Nguyễn Thị L xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết, do vậy không xem xét.

- Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị L phải nộp toàn bộ tiền phí dân sự sơ thẩm (trong vụ án ly hôn) theo quy định. Anh Phạm Văn G không phải nộp án phí. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng.

Chị Nguyễn Thị L khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tuyên Quang giải quyết cho chị ly hôn với anh Phạm Văn G; Anh Phạm Văn G có hộ khẩu thường trú tại thôn A, xã T, huyện C. Căn cứ theo khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn"* và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tuyên Quang.

Chị Nguyễn Thị L có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Phạm Văn G đã được triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vắng mặt không có L do, nên cần áp dụng các Điều 227, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đương sự.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện C đã tiến hành xác minh thu thập chứng cứ; thực hiện các thủ tục tống đạt văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật.

[2] Về việc xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Phạm Văn G có đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 của Luật Hôn nhân và gia đình; có đăng ký kết hôn vào ngày 21/02/2019 tại UBND xã D, huyện Y, tỉnh Hà Giang nên được xác định là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã. Hội đồng xét xử thấy rằng, cuộc sống chung của vợ chồng chị L và anh G không có sự gắn kết, chia sẻ trong cuộc sống để xây dựng một gia đình hạnh phúc; cả hai đều đã không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nên không thể tồn tại một gia đình hạnh phúc, tiến bộ. Như vậy, căn cứ vào các Điều 51, 53, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình thì tình trạng hôn nhân của chị L và anh G đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử thấy rằng giữa chị L và anh G không có sự gắn kết trong cuộc sống, chị L và anh G đã sống ly thân từ tháng 5/2020 đến nay, do vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị L.

[2.2] Về con chung: Chị Nguyễn Thị L và anh Phạm Văn G có 01 con chung là cháu Nguyễn Phạm Hồng C, sinh ngày 31/01/2018. Cháu C hiện nay còn nhỏ, cần sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ nên Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu Nguyễn Phạm Hồng C, sinh ngày 31/01/2018 cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình. Anh Phạm Văn G không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trường hợp có sự thay đổi về điều kiện trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục ảnh hưởng đến quyền lợi về mọi mặt của con và các bên đương sự có yêu cầu thì Tòa án sẽ xem xét giải quyết bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị L xác định không có, không đề nghị Toà án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị L phải nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm (trong vụ án ly hôn) theo quy định tại các Điều 143, 144, 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản L và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại điều 271 và điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự .

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 ; các Điều 35, 39, 143, 144, 147, 227, 228, 238, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản L và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về *"*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*"* của chị Nguyễn Thị L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn với anh Phạm Văn G.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Phạm Hồng C, sinh ngày 31/01/2018 cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Phạm Văn G không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm (trong vụ án ly hôn): Chị Nguyễn Thị L phải chịu

300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)*, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai số 0005297, ngày 11 tháng 5 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Anh Phạm Văn G không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị L và anh Phạm Văn G được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện C;
- UBND xã D;
- Chi cục THADS huyện C;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đào Thị Bích Ngọc